

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Bảo

Bà Nguyễn Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Ông Phan Sỹ Hào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình P**, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1980 tại T, Nghệ An.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Làng B, xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Đình H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1960; có vợ thứ nhất là Hoàng Thị H, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 02 con chung, vợ thứ hai là Phùng Thị T, sinh năm 1983 (chưa đăng ký kết hôn) và 02 con chung.

Tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2017 đến ngày 23/6/2017 tại ngoại.

Có mặt

2. **Lô Xuân T**, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1993 tại T, Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm II, xã S, huyện K, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Làng B, xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Lô Xuân M, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1958

Bị cáo chưa có vợ

Tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2017 đến ngày 12/12/2017 tại ngoại.

Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lô Xuân T: Bà Trang Thị Thùy D – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ G

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Lê Tiên H – Trưởng ban Ban quản lý rừng phòng hộ G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phùng Thị T1, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Làng B, xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 04/Ctr-VKS ngày 11/01/2018, các bị cáo Nguyễn Đình P và Lô Xuân T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Đình P, sinh năm 1980 và Phùng Thị T1, sinh năm 1983 sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn tại làng B, xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. P và T1 có thuê Vi Văn B, sinh năm 1986 và một người tên Đ (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) về làm thuê trong việc thu mua nông sản ở khu vực các làng đồng bào. Đến khoảng cuối tháng 02 đầu tháng 3 năm 2017, P dẫn B và Đ cùng vào khu vực bờ sông Pô Cô thuộc xã D, huyện Đ để thu hoạch mỳ. Khi vào làm thì thấy có Công ty TMCP Tây Gia Lai làm bãi thu mua gỗ nên P đã nói với B và Đ là sẽ về mua máy cưa (loại máy cưa xăng) và xe máy (loại xe độ chế) để vào thu mua gỗ của người dân tộc về bán kiếm lời thì B và Đ nhất trí. Lúc này B có nói và sau đó có gọi cho Lô Xuân T, sinh năm 1993 ở T, Nghệ An rủ vào Gia Lai để cùng làm thuê. Đầu tháng 03/2017 thì T vào Gia Lai và ở nhà của P, T1 tại làng B, xã D, huyện Đ được 02 ngày thì T1 xin cho T làm bốc vác mỳ ở khu vực cửa khẩu L, huyện Đ.

Đối với P, Đ và B sau khi mua 02 máy cưa và xe máy độ chế thì cả ba vào rừng dựng lán để đi mua gỗ. Sau đó nghe nói công ty dừng không mua nên P và B về nhà P, còn Đ ở lại trông lán. Đến ngày 17/3/2017 P và B quay lại lán thì Đ nói trong rừng có nhiều gỗ, và Đ đã cắt được 04-05 cây gỗ và rủ P, B vào cắt tiếp. Sau đó cả ba nhất trí và đi xem bãi cắt gỗ thì thấy có 04-05 cây đã bị cắt đổ, lúc này cả ba thống nhất đi về để hôm sau vào làm tiếp. Sáng ngày 18/3/2017, B ra cửa khẩu L chở T vào cùng làm, trên đường đi B nói với T là đi làm gỗ bán cho công ty nên T đồng ý đi làm cùng. Khi đến lán thì tất cả ngồi chơi và nói đi làm gỗ bán cho công ty được bao nhiêu thì chia đều cho nhau. Đến trưa ngày

18/3/2017 thì T1 đi xe máy hiệu Yamaha biển kiểm soát 81U1-143.46 đưa đồ ăn vào, tất cả cùng nấu ăn, sau khi ăn xong thì T1 chở T cùng đi theo B, P và Đ vào nơi làm, khi đến bờ sông thì dừng lại. P nói T1 để xe máy lại, T1 đi bộ ra đường bắt xe về nhà. Đến khoảng 16h cùng ngày thì P, B, Đ, T cùng đi vào nói cắt gỗ, khi đến nơi thì P, B và Đ thay nhau cắt cây gỗ và sẻ thành khúc còn T thì dọn dẹp và dọn đường ra đến bờ sông để vận chuyển gỗ ra bờ sông. Đến khoảng 20h cùng ngày thì cắt xong, lúc này T phụ bốc gỗ lên xe máy để B và Đ chở ra bờ sông rồi T đi theo ra để canh gác, đến khoảng 21h30' cùng ngày, khi đã chở ra bờ sông được 08 khúc gỗ thì bị lực lượng biên phòng C và cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ G phát hiện, tất cả bỏ chạy được còn T thì bị bắt giữ.

Đến ngày 17/4/2017 thì P ra Công an huyện G đầu thú.

Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định: Địa điểm nơi các bị can khai thác gỗ trái phép là Lô 2, Khoảnh 9, Tiểu khu 365, lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ G thuộc địa phận xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai. Địa phận rừng bị khai thác tại vị trí tọa độ trung tâm (hệ tọa độ VN2000): OX 0387601 – OY 1534855 thuộc quy hoạch rừng phòng hộ

Tại hiện trường có tổng cộng 17 gốc cây bị chặt hạ, chủng loại bằng lăng thuộc nhóm 3, một số cây còn nguyên thân, một số đã bị cắt khúc, một số cây chỉ còn lại gốc, không có thân cây tại hiện trường. Cách khu vực rừng bị khai thác 500m có một số khúc gỗ đã tập kết ở bờ sông Pơ Cô. Qua kiểm tra xác định tại hiện trường có 48 khúc gỗ với tổng trọng lượng là 18,493m³, trong đó tại khu vực khai thác có 40 khúc với khối lượng 16,607m³, tại khu vực bờ sông có 08 khúc gỗ với khối lượng 1,886m³.

Qua tính toán khối lượng 17 cây bị chặt hạ, xác định gỗ thiệt hại có 08 cây chặt hạ còn nguyên thân tại hiện trường được xác định là 12,409m³ gỗ tròn và 09 cây bị chặt hạ không còn nguyên thân tại hiện trường được xác định là 11,308m³ gỗ tròn. Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại xác định là 23,717m³ gỗ tròn.

Kết luận định giá số 23/KL-TS ngày 13/6/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện G xác định giá trị thiệt hại thành tiền là 57.874.462 đồng

Về vật chứng vụ án:

Đối với 48 khúc gỗ bằng lăng có khối lượng là 18,493m³ đã thu giữ ngày 15/6/2017. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện G để bán thanh lý theo quy định của pháp luật. Hạt kiểm lâm đã bán được 39.160.000đ và đã nộp vào tài khoản của Công an huyện G tại kho bạc Nhà nước huyện G.

Hiện đang thu giữ một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81U1-143.46, sơn màu đỏ đen, số khung RLCS5C6JOPY152880, số máy 5C6J152822 đã qua sử dụng; Một chiếc điện thoại Nokia màu xanh đã cũ; Một cái Ban lan xích dùng để kéo gỗ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 04/Ctr-VKS ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình P và Lô Xuân T phạm tội “Vi

phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đình P: 14 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 đến 32 tháng tù.

Bị cáo Lô Xuân T: 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự 2009, xử phạt mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung 2017.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng gồm: 39.160.000đ hiện đang nằm trong tài khoản của Công an huyện G tại kho bạc Nhà nước huyện G; Một điện thoại Nokia màu xanh đã cũ; Một ban lan dùng để kéo gỗ.

Trả lại cho bị cáo P và người liên quan T1 một mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81U1-143.46, sơn màu đỏ đen, số khung RLCS5C6JOPY152880, số máy 5C6J152822 đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát kiến nghị Ban quản lý rừng phòng hộ G cần thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nhân dân cũng như việc kiểm tra giám sát trong việc bảo vệ rừng.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lô Xuân T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo T. Xem xét hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình khó khăn, mục đích là đi làm thuê để kiếm sống, gia đình có công với cách mạng để áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Đình P, Lô Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Ngày 18/3/2017 Nguyễn Đình P, Lô Xuân T, Vi Văn B và một đối tượng tên Đ đã đến khu vực lô 2, khoảnh 9 Tiểu khu 365 lâm phần quản lý rừng phòng hộ G thuộc địa phận

xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai khai thác trái phép tổng cộng là 17 cây gỗ chủng loại Bằng lăng thuộc nhóm 3, trong đó có 04-05 cây đã bị Đ cắt hạ trước đó. 17 cây bị cắt hạ xác định khối lượng gỗ thiệt hại là 23,717m³ gỗ tròn. Tại kết luận số 23/KL-TS ngày 13/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định thiệt hại thành tiền là 57.874.462 đồng.

Hành vi khai thác trái phép với gây thiệt hại 23,717m³ gỗ tròn chủng loại Bằng lăng thuộc nhóm 3 của các bị cáo Nguyễn Đình P, Lô Xuân T tại khu vực rừng phòng hộ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, đã phạm vào tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung 2009

[2] Về tính chất của tội phạm

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn thông thường, các bị cáo không có sự phân công bàn bạc từ trước mà cùng nhau thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo P cùng với các đối tượng là B và Đ là người trực tiếp cưa cây và sẻ cây thành khúc, bị cáo T là người dọn dẹp, dọn đường để chuyển gỗ ra bờ sông. Xét diễn biến của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích ban đầu của bị cáo P và các đồng phạm khác là mua cây của người địa phương để bán lại cho công ty TMCP Tây Gia Lai, là đơn vị kinh tế đang thu mua gỗ. Khi biết công ty TMCP Tây Gia Lai không tiếp tục thu mua gỗ, các bị cáo P, T và đối tượng B đã bỏ về nhà, không thực hiện việc khai thác. Sau đó đối tượng tên Đ đã tự ý vào rừng khai thác trái phép 04-05 cây gỗ rồi mới thông báo, rủ rê bị cáo P, B tiếp tục khai thác. Vì háms lợi các đối tượng Đ, B cùng hai bị cáo P và T mới cùng thống nhất tiếp tục thực hiện hành vi khai thác trái phép cây rừng, các bị cáo P và T khai thác gỗ trái phép trong thời gian ngắn từ khoảng 16 giờ đến 20 giờ ngày 18/3/2017, khối lượng gỗ bị thiệt hại là không lớn so với định mức thiệt hại để truy cứu trách nhiệm hình sự, mặt khác, toàn bộ 48 khúc gỗ mà các bị cáo đã khai thác với tổng khối lượng 18,493m³ đã được thu hồi và đều là loại gỗ thuộc nhóm gỗ thông thường. Do vậy, tội phạm mà các bị cáo P và T đã thực hiện mang tính cơ hội, giản đơn. Tính chất của tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo T và P đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, Đối với bị cáo P, sau khi tội phạm bị phát hiện đã đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, bản thân bị cáo có 04 con đang còn nhỏ, trong đó con lớn nhất chưa đủ 13 tuổi, đối với bị cáo T, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, gia đình của bị cáo T có thân nhân thuộc diện được giải quyết về việc trợ cấp thờ cúng liệt sỹ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo.

Các bị cáo T và P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét các bị cáo P và T đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có xét đến thái độ hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, mặc khác bị cáo P và bị cáo T đã bị tạm giữ, tạm giam một thời gian. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đảm bảo khả năng tự cải tạo của các bị cáo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Cần áp dụng thêm hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đình P với mức 5.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo Lô Xuân T có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[5] Về dân sự:

Các bị cáo đã nộp số tiền bồi thường thiệt hại là 57.874.462 đồng cần xử lý giao cho nguyên đơn dân sự.

[6] Về vật chứng:

Đối với 48 khúc gỗ Bằng lăng, có khối lượng 18,493m³ đã thu giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện G bán thanh lý theo quy định. Hiện số tiền bán được là 39.160.000đ cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81U1-143.46, sơn màu đỏ đen, số khung RLCS5C6JOPY152880, số máy 5C6J152822 đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Đình P, xét thấy bị cáo không sử dụng chiếc xe này vào mục đích phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu xanh đã cũ, đây là tài sản của bị cáo T không sử dụng vào mục đích phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 cái Ban lan dùng để kéo gỗ. Xét đây là công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện đang còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 02 cái cửa lóc, loại cửa xăng và 03 chiếc xe máy loại độ chế mà bị cáo Nguyễn Đình P mua về nhằm khai thác gỗ, quá trình điều tra không thu giữ được, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[8] Đối với Vi Văn B, sau khi tội phạm bị phát hiện đã bỏ trốn, hiện đang bị truy nã. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý. Đối với đối tượng tên Đ, là người trực tiếp cắt gỗ và rủ P, B, T cùng tham gia cắt gỗ và vận chuyển ra bờ sông. Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Đ. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh nhân thân, lý lịch của Đ, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình P và bị cáo Lô Xuân T phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”

Áp dụng khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 16 (mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lô Xuân T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình P, Lô Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; Điều 53 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009

Buộc bị cáo Nguyễn Đình P phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009

Buộc bị cáo Nguyễn Đình P và Lô Xuân T phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ G số tiền 57.874.462 đồng được khấu trừ vào số tiền 57.874.462 đồng đã nộp theo Biên bản bàn giao tang vật, tài sản ngày 30/01/2018 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Các bị cáo Nguyễn Đình P và Lô Xuân T đã bồi thường xong số tiền 57.874.462 đồng

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ số tiền 39.160.000đ hiện đang nằm trong tài khoản của Công an huyện G tại kho bạc Nhà nước huyện G theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa Đơn vị trả tiền: Phòng tài chính kế hoạch huyện G tại kho bạc Nhà nước huyện G, tài khoản 3941.0.1069756 và Đơn vị nhận tiền: Công an huyện G, tài khoản 3949.0.9058316 tại Kho bạc Nhà nước (NH) huyện G.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước một chiếc ban lan xích dùng để tời gỗ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình P một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81U1-143.46, sơn màu đỏ đen, số khung RLCS5C6JOPY152880, số máy 5C6J152822 đã qua sử dụng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trả lại cho bị cáo Lô Xuân T một chiếc điện thoại Nokia màu xanh đã cũ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình P và Lô Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng